

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 15-3-2019.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Hoàng Thị Hải.

+ Ông Trịnh Văn Nguyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng – Là Thư ký tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Bà Tô Hải Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2019 và **Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/02/2019, giữa các đương sự:**

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Ia Lôk, xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1967; (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: thôn Ia Lôk, xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Đào Thị T tự nguyện làm quen nhau, rồi đi đến hôn nhân. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào năm 1990. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau và có hai con chung. Trong những năm gần đây vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Việc chăm lo nuôi dạy con cái vợ chồng không thống nhất, vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng tôi cũng đã 02 lần nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng vì con cái, gia đình hai bên hòa giải nên chúng tôi rút đơn về. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tôi không cải thiện được, càng mâu thuẫn trầm trọng. Từ đầu năm 2018 tôi sống riêng, giữa tôi với cô T không còn tình cảm gì với nhau, không ai quan tâm đến ai. Cuộc sống cứ kéo dài như vậy nên tôi không thể chịu đựng được nữa, ảnh hưởng tới việc làm ăn, nuôi dạy con cái nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Đào Thị T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/6/1990 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/4/1992. Nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lập được, nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau, trường hợp không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn: Bà Đào Thị T trình bày:

Tôi và anh B qua tìm hiểu nhau, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào năm 1990. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Vợ chồng tôi vẫn làm ăn bình thường và tôn trọng nhau. Tình cảm vẫn tốt, chỉ xảy ra hiểu nhầm nhỏ giữa đôi bên, tôi nghĩ là do ông B đã có người phụ nữ khác nên cố yêu cầu giải quyết ly hôn, vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/6/1990 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/4/1992. Nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lập được, nhưng vẫn cần phải nương tựa vào gia đình và cần tài sản để phát triển tương lai.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Ngày 20/11/2018, bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Bà T nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh vào ngày 22/11/2018. Quá thời hạn quy định nhưng không thấy bà T nộp biên lai đóng tiền tạm ứng án phí, Tòa án nhân dân huyện Chư Păh đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bà T.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T (niêm yết công khai) nhưng bà T không có mặt tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký,, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại các

Điều 28, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của mình theo đúng quy định bộ luật Tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên xét xử, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó HĐXX vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Về hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Đào Thị T.

**Về con chung, tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:* ông B không không yêu cầu nên không xem xét.

** Về án phí:* Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đào Thị T có nơi cư trú là thôn Ia Lôk, xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Đào Thị T hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về ly hôn: Ông Nguyễn Văn B và bà Đào Thị T tự nguyện tìm hiểu, sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào năm 1990. Do đó, hôn nhân giữa ông B và bà T là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với bà T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Đào Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T có tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, bà T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng bà T chưa đến mức ly hôn nhưng do ông B có người phụ nữ khác nên mới

muốn ly hôn. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Qua xác minh về tình trạng mẫu thuẫn của vợ chồng ông B, bà T thì đúng như mẫu thuẫn ông B đã trình bày. Ông B, bà T cũng đã 02 lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn. Bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông B và bà T là vợ chồng hợp pháp nhưng không yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông B yêu cầu ly hôn với bà T là có căn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà T có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/6/1990 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/4/1992. Nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lập được nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết. Tòa án đã ra thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình. Tuy nhiên bị đơn không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 192 và Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp về chia tài sản chung và các nghĩa vụ chung thì các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Đào Thị T.

1.2 Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/6/1990 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/4/1992. Nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lập được nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã thông báo trả lại đơn yêu cầu cho bị đơn. Trường hợp có tranh chấp về chia tài sản chung và các nghĩa vụ chung thì các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

1.4 Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0002509, ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Ông B đã nộp đủ tiền án phí.

2. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/03/2019) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS H.Chư Păh
- THA DS H.Chư Păh;
- Đương sự;
- UBND xã Lạc Long,
huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS VTTA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

